

Số: 25/2016/QĐ-UBND

Vĩnh Yên, ngày 06 tháng 5 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định thực hiện chính sách hỗ trợ đặc thù
khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn
trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc giai đoạn 2016-2020.**

ỦY BAN NHÂN DÂN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 16/12/2002;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 26/11/2014;

Căn cứ Nghị định số 210/2013/NĐ-CP ngày 19/12/2013 của Chính phủ về chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 05/2014/TT-BKHĐT ngày 30/9/2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn thực hiện Nghị định số 210/2013/NĐ-CP ngày 19/12/2013 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 30/2015/TT-BTC ngày 09/3/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, thanh toán và quyết toán các khoản hỗ trợ doanh nghiệp theo Nghị định số 210/2013/NĐ-CP ngày 19/12/2013 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị quyết số 202/2015/NQ-HĐND ngày 22/12/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh về ban hành chính sách hỗ trợ đặc thù khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc giai đoạn 2016-2020;

Theo đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại văn bản số 323/SKHĐT-KTN ngày 03/3/2016, ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại văn bản số 31/BC-STP ngày 25/02/2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định thực hiện chính sách hỗ trợ đặc thù khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc giai đoạn 2016-2020.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: KH&ĐT, Tài chính, NN&PTNT;
- Cục Kiểm tra VBQPPL (Bộ Tư pháp);
- TTTU, TTHĐND, UBMTTQ, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- CPCT, CPVP UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Báo VP, Đài PTTH, Công báo, Cổng TTĐT tỉnh;
- Như điều 3;
- CVNCTH;
- Lưu: VT, NN3.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Chúc

QUY ĐỊNH

Thực hiện chính sách hỗ trợ đặc thù khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc giai đoạn 2016-2020.

(Ban hành kèm theo Quyết định số 25/2016/QĐ-UBND ngày 06/5/2016 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc)

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

a) Quy định này cụ thể hóa Nghị quyết số 202/2015/NQ-HĐND ngày 22/12/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh về ban hành chính sách hỗ trợ đặc thù khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc giai đoạn 2016-2020.

b) Những nội dung về chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn không nêu trong quy định này được thực hiện theo Nghị định số 210/2013/NĐ-CP ngày 19/12/2013 của Chính phủ.

2. Đối tượng áp dụng

a) Các nhà đầu tư nhận chính sách hỗ trợ đặc thù là doanh nghiệp được thành lập và đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam.

b) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc thực hiện chính sách hỗ trợ đặc thù theo quy định này.

Điều 2. Điều kiện chung để được hỗ trợ

Thực hiện theo quy định tại khoản 2, điều 1, Nghị quyết số 202/2015/NQ-HĐND, cụ thể như sau:

1. Dự án nằm trong quy hoạch được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt hoặc chấp thuận cho phép đầu tư của UBND tỉnh nếu chưa có quy hoạch được duyệt.

2. Nhà đầu tư Dự án phải sử dụng tối thiểu 30% lao động trong tỉnh Vĩnh Phúc.

3. Dự án thực hiện kể từ ngày 01/01/2016 trở đi và được nghiệm thu hoàn thành trước ngày 31/12/2020.

Điều 3. Nguyên tắc áp dụng hỗ trợ

Thực hiện theo quy định tại khoản 3, điều 1, Nghị quyết số 202/2015/NQ-HĐND, cụ thể như sau:

1. Trong cùng một thời gian, nếu doanh nghiệp có dự án đầu tư được hưởng nhiều mức hỗ trợ đầu tư khác nhau thì doanh nghiệp được lựa chọn áp dụng mức hỗ trợ đầu tư có lợi nhất.

2. Các dự án đã sử dụng vốn tín dụng ưu đãi, vốn bảo lãnh tín dụng của Nhà nước không thuộc đối tượng sử dụng nguồn vốn hỗ trợ từ ngân sách tại quy định này.

3. Ngân sách nhà nước thực hiện hỗ trợ sau đầu tư; khi dự án hoàn thành thì được giải ngân 70% mức vốn hỗ trợ theo dự án; sau khi dự án hoàn thành đầu tư và được nghiệm thu thì được giải ngân 30% mức vốn hỗ trợ còn lại.

4. Phần vốn hỗ trợ từ ngân sách nhà nước được coi như phần vốn đối ứng của doanh nghiệp, nhà nước bảo lãnh phần vốn này khi doanh nghiệp vay vốn đầu tư từ ngân hàng thương mại để thực hiện dự án đó.

Chương II **NỘI DUNG, CƠ CHẾ HỖ TRỢ**

Điều 4. Nguồn vốn hỗ trợ

Ngân sách tỉnh hỗ trợ từ nguồn chi đầu tư phát triển hàng năm.

Điều 5. Nội dung hỗ trợ

Thực hiện theo quy định tại khoản 4, điều 1, Nghị quyết số 202/2015/NQ-HĐND, cụ thể như sau:

1. Hỗ trợ đầu tư cơ sở chăn nuôi gia súc

a) Nhà đầu tư có dự án đầu tư cơ sở chăn nuôi gia súc (bò, lợn) tập trung được ngân sách tỉnh hỗ trợ như sau:

- Hỗ trợ 50% chi phí nhưng tối đa không quá 02 tỷ đồng/dự án để xây dựng cơ sở hạ tầng về xử lý chất thải, giao thông, điện, nước, chuồng trại, đồng cỏ và mua thiết bị.

- Trường hợp dự án chưa có đường giao thông, hệ thống điện, cấp thoát nước đến hàng rào dự án thì ngoài mức hỗ trợ nêu trên, dự án còn được hỗ trợ thêm 70% chi phí nhưng tối đa không quá 01 tỷ đồng để đầu tư xây dựng các hạng mục ngoài hàng rào dự án.

b) Các dự án đầu tư được hưởng hỗ trợ quy định tại điểm a nêu trên, ngoài các điều kiện quy định tại điều 2, phải bảo đảm các điều kiện:

- Có quy mô chăn nuôi thường xuyên tập trung tối thiểu 500 con lợn thịt hoặc 300 con lợn nái sinh sản hoặc 150 con bò thịt hoặc 100 con bò sữa.

- Bảo đảm vệ sinh thú y, an toàn phòng chống dịch bệnh, an toàn thực phẩm, bảo vệ môi trường theo các quy định của pháp luật về thú y, an toàn thực phẩm, bảo vệ môi trường.

2. Hỗ trợ đầu tư vùng sản xuất rau an toàn theo quy trình VietGAP

a) Nhà đầu tư có dự án đầu tư vùng sản xuất rau an toàn theo quy trình VietGap được ngân sách tỉnh hỗ trợ 70% chi phí nhưng tối đa không quá 02 tỷ đồng/dự án để xây dựng hệ thống giao thông, điện, hệ thống tưới, tiêu, xây dựng nhà lưới, hệ thống thu gom và xử lý chất thải.

b) Các dự án đầu tư được hưởng hỗ trợ quy định tại điểm a nêu trên, ngoài các điều kiện quy định tại điều 2, phải bảo đảm các điều kiện:

- Dự án có quy mô sản xuất tối thiểu 10 ha cây rau quả tập trung trồng ngoài trời hoặc 01 ha trồng trong nhà lưới; hoặc tối thiểu 01 ha đối với cây Nấm.

- Bảo đảm các yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật bảo vệ môi trường.

3. Hỗ trợ đầu tư cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm tập trung

a) Nhà đầu tư có dự án đầu tư cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm tập trung công nghiệp được ngân sách tỉnh hỗ trợ như sau:

- Đối với dự án đầu tư có công suất giết mổ tối thiểu 05 tấn/ngày đêm, ngân sách tỉnh hỗ trợ 60% chi phí nhưng tối đa không quá 01 tỷ đồng/dự án để xây dựng cơ sở hạ tầng về giao thông, điện, cấp thoát nước, nhà xưởng, xử lý chất thải và mua thiết bị.

- Đối với dự án đầu tư có công suất giết mổ tối thiểu 20 tấn/ngày đêm, ngân sách tỉnh hỗ trợ 60% chi phí nhưng tối đa không quá 3,5 tỷ đồng/dự án để xây dựng cơ sở hạ tầng về giao thông, điện, cấp thoát nước, nhà xưởng, xử lý chất thải và mua thiết bị.

- Trường hợp dự án chưa có đường giao thông, hệ thống điện, cấp thoát nước đến hàng rào dự án thì ngoài mức hỗ trợ nêu trên, dự án còn được hỗ trợ thêm 70% chi phí nhưng tối đa không quá 02 tỷ đồng để đầu tư xây dựng các hạng mục ngoài hàng rào dự án (có thể lập dự án riêng).

b) Các dự án đầu tư được hưởng hỗ trợ theo quy định tại điểm a nêu trên, ngoài các điều kiện quy định tại điều 2, phải bảo đảm các điều kiện về vệ sinh thú y, an toàn phòng chống dịch bệnh, an toàn thực phẩm, bảo vệ môi trường theo các quy định của pháp luật về thú y, an toàn thực phẩm, bảo vệ môi trường.

4. Hỗ trợ trồng cây dược liệu

Nhà đầu tư có dự án đầu tư trồng cây dược liệu (Danh mục cây dược liệu theo Quyết định số 206/QĐ-BYT ngày 22/01/2015 của Bộ Y tế) tập trung có quy mô từ 10 ha trở lên được ngân sách tỉnh hỗ trợ 15 triệu đồng/ha để xây dựng đồng ruộng và hỗ trợ cây giống.

5. Hỗ trợ đầu tư cơ sở chế biến nông sản

a) Nhà đầu tư có dự án đầu tư cơ sở chế biến nông sản được ngân sách tỉnh hỗ trợ 60% chi phí nhưng tối đa không quá 03 tỷ đồng/dự án để xây dựng cơ sở hạ tầng về xử lý chất thải, nhà xưởng, hệ thống giao thông, điện, cấp thoát nước và mua thiết bị.

b) Các dự án đầu tư được hưởng hỗ trợ theo quy định tại điểm a nêu trên, ngoài các điều kiện quy định tại điều 2, phải bảo đảm các điều kiện:

- Giá trị sản phẩm sau chế biến tăng ít nhất 2 lần so với giá trị nguyên liệu thô ban đầu.

- Công suất hoạt động phải đạt tối thiểu 300 tấn/năm đối với chế biến thịt gia súc, gia cầm hoặc 200 tấn/năm đối với chế biến rau quả hoặc 200 tấn nguyên liệu/năm đối với chế biến dược liệu.

- Đảm bảo các yêu cầu về an toàn thực phẩm, bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và bảo vệ môi trường.

Chương III

HỒ SƠ, TRÌNH TỰ, THỦ TỤC THỰC HIỆN HỖ TRỢ

Điều 6. Hồ sơ, trình tự, thủ tục cấp quyết định hỗ trợ đầu tư

Thực hiện theo quy định tại điều 4 và điều 5, Thông tư số 05/2014/TT-BKHĐT ngày 30/9/2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn thực hiện Nghị định số 210/2013/NĐ-CP ngày 19/12/2013 của Chính phủ.

Điều 7. Phê duyệt thiết kế - dự toán xây dựng công trình

1. Dự án đề nghị hỗ trợ đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất phải được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt thiết kế - dự toán xây dựng công trình.

2. Hồ sơ, trình tự, thủ tục phê duyệt thiết kế - dự toán xây dựng công trình thực hiện theo quy định tại mục 1, chương III, Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng (thay quyết định phê duyệt dự án bằng quyết định cấp hỗ trợ đầu tư).

Điều 8. Nghiệm thu dự án hoàn thành

Thực hiện theo quy định tại điều 6 và điều 7, Thông tư số 05/2014/TT-BKHĐT ngày 30/9/2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn thực hiện Nghị định số 210/2013/NĐ-CP ngày 19/12/2013 của Chính phủ.

Điều 9. Thanh quyết toán hỗ trợ đầu tư

Thực hiện theo quy định tại Chương II, Thông tư số 30/2015/TT-BTC ngày 09/3/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, thanh toán và quyết toán các khoản hỗ trợ doanh nghiệp theo Nghị định số 210/2013/NĐ-CP ngày 19/12/2013 của Chính phủ.

Chương IV LĨNH VỰC KHUYẾN KHÍCH ĐẦU TƯ

Điều 10. Danh mục dự án khuyến khích đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2016-2020

1. Dự án đầu tư phát triển chăn nuôi lợn thịt (quy mô chăn nuôi thường xuyên tập trung tối thiểu 500 con).

2. Dự án đầu tư phát triển chăn nuôi lợn nái sinh sản (quy mô chăn nuôi thường xuyên tập trung tối thiểu 300 con).

3. Dự án đầu tư phát triển chăn nuôi bò thịt (quy mô chăn nuôi thường xuyên tập trung tối thiểu 150 con).

4. Dự án đầu tư phát triển chăn nuôi bò sữa (quy mô chăn nuôi thường xuyên tập trung tối thiểu 100 con).

5. Dự án đầu tư cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm theo quy mô công nghiệp (công suất giết mổ tối thiểu 05 tấn/ngày đêm).

6. Dự án đầu tư cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm theo quy mô công nghiệp (công suất giết mổ tối thiểu 20 tấn/ngày đêm).

7. Dự án đầu tư sản xuất rau an toàn theo quy trình VietGAP (quy mô tối thiểu 10 ha cây rau quả).

8. Dự án đầu tư sản xuất rau an toàn trong nhà lưới theo quy trình VietGAP (quy mô tối thiểu 01 ha).

9. Dự án đầu tư sản xuất Nấm ăn theo quy trình VietGAP (quy mô tối thiểu 01 ha).

10. Dự án đầu tư trồng cây dược liệu (quy mô tối thiểu 10 ha, danh mục cây dược liệu theo Quyết định số 206/QĐ-BYT ngày 22/01/2015 của Bộ Y tế).



11. Dự án đầu tư cơ sở chế biến thịt gia súc, gia cầm (công suất hoạt động tối thiểu 300 tấn/năm).

12. Dự án đầu tư cơ sở chế biến rau quả (công suất hoạt động tối thiểu 200 tấn/năm).

13. Dự án đầu tư cơ sở chế biến dược liệu (công suất hoạt động tối thiểu 200 tấn nguyên liệu/năm).

Chương V **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 11. Điều khoản thi hành

1. Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư

a) Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành: Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Khoa học và công nghệ, Công thương và Kho bạc Nhà nước thống nhất có văn bản hướng dẫn doanh nghiệp trình tự thủ tục để được hỗ trợ đầu tư theo Quy định này.

b) Theo dõi, tổng hợp báo cáo tình hình thực hiện Nghị quyết số 202/2015/NQ-HĐND ngày 22/12/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh về ban hành chính sách hỗ trợ đặc thù khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc giai đoạn 2016-2020.

c) Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài chính và các cơ quan liên quan thẩm tra và trình UBND tỉnh xem xét, quyết định hỗ trợ đầu tư cho các dự án.

d) Tổng hợp, cân đối nguồn vốn từ ngân sách tỉnh, trình UBND tỉnh phân bổ vốn hỗ trợ đầu tư cho các dự án;

e) Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tham gia xác nhận, nghiệm thu hoàn thành dự án.

2. Giao Sở Tài chính

a) Chủ trì phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư lập dự toán chi ngân sách tỉnh theo quy định tại khoản 1 Điều 17 Nghị định số 210/2013/NĐ-CP ngày 19/12/2013 của Chính phủ, về chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn và khoản 18 Điều 3 Thông tư số 05/2014/TT-BKHĐT hướng dẫn thực hiện Nghị định 210/2013/NĐ-CP để thực hiện chính sách này, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

b) Thẩm định hồ sơ của nhà đầu tư đề nghị thanh toán, phối hợp với Kho bạc nhà nước tỉnh thực hiện chi trả tiền hỗ trợ cho doanh nghiệp được hỗ trợ.

c) Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm tra đối với các dự án; Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tham gia xác nhận, nghiệm thu hoàn thành dự án.

3. Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thẩm định thiết kế - dự toán công trình đề nghị hỗ trợ đầu tư, trình UBND tỉnh phê duyệt.

b) Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính và các cơ quan liên quan nghiệm thu, xác nhận khối lượng hoàn thành dự án. Kiểm tra tình hình thực hiện dự án, đánh giá hiệu quả của dự án và đôn đốc chủ đầu tư trong

việc thực hiện dự án theo chức năng quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

c) Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm tra về điều kiện, mức hỗ trợ cụ thể đối với từng dự án.

4. Các sở, ban, ngành khác căn cứ chức năng, nhiệm vụ tổ chức thực hiện Nghị quyết số 202/2015/NQ-HĐND ngày 22/12/2015 của HĐND tỉnh.

5. UBND các huyện, thành phố, thị xã

a) Phối hợp với các sở, ngành giải quyết các vướng mắc, kiến nghị của nhà đầu tư liên quan đến dự án đầu tư trên địa bàn.

b) Phối hợp với các sở, ngành kiểm tra, nắm tình hình và báo cáo kết quả triển khai thực hiện các dự án.

c) Phối hợp với nhà đầu tư và các ngành liên quan thực hiện các thủ tục về bồi thường giải phóng mặt bằng phục vụ dự án.

Điều 12. Trong quá trình thực hiện Quy định này nếu có vấn đề chưa phù hợp hoặc phát sinh mới, các cơ quan, doanh nghiệp có trách nhiệm báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh) kịp thời để sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Chúc